

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 119/2024/DS-ST

Ngày: 20-9-2024

V/v: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Thạch Thị Lan Nhung
- Bà Khuất Thị Minh Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Cường là thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2022/TLST-DS ngày 09/02/2022 về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2024/QĐST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà K, sinh năm 1965.

Địa chỉ: thôn R, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: chị K1, sinh năm 1989.

Địa chỉ: thôn R, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền 31/12/2021. Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* bà K'Điền, sinh năm 1962.

Địa chỉ: thôn R, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: ông K3, sinh năm 1978.

Địa chỉ: thôn R, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền 04/3/2022. Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: vợ chồng ông **K3**, sinh năm 1978; bà K'Điền.

Địa chỉ: **thôn R, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng**. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – chị **K1** thì: Bà **K** hiện là chủ sử dụng của diện tích đất 15.187m² thuộc các thửa đất số 299, 657, 649, 656, 658, 655, 677, 678, 679, 731, 730, 732, 733 tờ bản đồ số 07, 08 đất tọa lạc tại **thôn R, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng** trong phần diện tích đất này thì có diện tích đất 1012m² thuộc thửa đất số 299 là đất ở nông thôn và đất trồng cây hàng năm còn diện tích đất còn lại là đất lúa. Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà **K** vào ngày 24/11/1997. Nguồn gốc của toàn bộ diện tích đất trên do ông **K4** (đã chết từ năm 1996) là người trực tiếp khai phá từ năm 1990. Đến năm 1991, ông **K4** có cho bà K'Điền một diện tích đất có chiều ngang khoảng là 24m, chiều dài khoảng 33m tổng diện tích khoảng 792m² để bà K'Điền quản lý, sử dụng và để ở. Sau khi ông **K4** cho đất bà K'Điền thì bà K'Điền và gia đình bà **K** đều tiến hành trồng cây cà phê, giáp với phần diện tích đất của bà K'Điền thì gia đình có đào 01 cái giếng, cái giếng cách ranh đất của bà K'Điền khoảng hơn 01m. Năm 2005, bà **K** có cho em bà **K** là ông **K5** mượn một phần diện tích đất có chiều ngang 7m, chiều dài 33m để xây dựng một căn nhà tình thương, cạnh nhà tình thương ông **K5** có dựng thêm một căn bếp bằng gỗ có chiều ngang hơn 2m, chiều dài 3m tổng diện tích của căn bếp là 6m² phần diện tích đất còn dư thì ông **K5** cũng tiến hành trồng cây cà phê và cây ca ri. Việc cho ông **K5** mượn đất bà **K** chỉ nói bằng miệng. Phần diện tích đất mà bà **K** cho ông **K5** mượn giáp với phần diện tích đất trước đây ông **K4** đã cho bà K'Điền và chính là phần diện tích đất mà bà **K** đang phát sinh tranh chấp với bà K'Điền. Đến năm 2016, anh **K3** là con rể của bà K'Điền vô cớ gây áp lực yêu cầu ông **K5** phải tháo dỡ căn bếp bằng gỗ mà ông **K5** dựng trước đây, cho rằng đất này là của bà K'Điền, trong khi đó diện tích đất này là của bà **K** cho ông **K5** mượn chứ không phải là đất của bà K'Điền. Do ông **K5** là người mượn đất để dựng nhà tình thương ở nhờ trên đất của bà **K** nên khi bị gia đình bà K'Điền gây áp lực, ông **K5** không ở được thì ông **K5** cũng tự nguyện tháo dỡ nhà bếp và nhà tình thương để chuyển đi nơi khác ở và trả lại đất cho bà **K**. Ngay sau khi ông **K5** tháo dỡ nhà tình thương, căn bếp thì gia đình của bà K'Điền đã thuê máy móc để tiến hành đào mương, khi gia đình bà K'Điền đào mương đã lấn chiếm sang phần diện tích đất của bà **K** cụ thể: phía trên mặt đường thì gia đình bà K'Điền lấn chiếm có chiều ngang mặt đường nhựa khoảng hơn 5m. Bà K'Điền tiến hành dựng hàng lưới B40, sau đó trồng một số cây trên đất, ông **K3** tiến hành đổ đất nền trên diện tích đất lấn chiếm nêu trên. Khi bà **K** phát hiện gia đình bà K'Điền đang sử dụng lấn chiếm sang đất của bà **K** thì bà **K** đã yêu cầu bà K'Điền

trả lại phần diện tích đất lấn chiếm nhưng không được nên bà **K** đã làm đơn đề nghị **UBND xã P** tiến hành hòa giải tranh chấp đất đai với bà K'Điền nhưng tại buổi hòa giải hai bên không thống nhất được ý kiến nên kết quả của buổi hòa giải không thành.

Kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất, xác định bà K'Điền lấn chiếm của bà **K** diện tích đất là 197.9m^2 thuộc một phần thửa đất số 299, tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại **thôn R, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng**.

Do đó bà **K** đã làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà giải quyết những vấn đề sau:

- Yêu cầu bà K'Điền phải tháo dỡ hàng rào lưới B40 nằm trong phần diện tích đất là 197.9m^2 thuộc một phần thửa đất số 299, tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại **thôn R, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng**.

- Yêu cầu bà K'Điền trả lại cho bà **K** toàn bộ diện tích đất đã lấn chiếm có tổng diện tích đất là 197.9m^2 thuộc một phần thửa đất số 299, tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại **thôn R, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng**.

- Bà **K** đồng ý thanh toán lại cho gia đình bà K'Điền giá trị cây trồng nằm trong phần diện tích đất đã lấn chiếm theo kết quả định giá trong quá trình giải quyết vụ án (trừ cây ổi to vì đây là cây ổi tự mọc trên đất của bà **K**).

Ngoài ra, bà **K** không trình bày và yêu cầu gì thêm.

*Bị đơn bà K'Điền và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông **K3**, bà K'Điền đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án. Tuy nhiên, hết thời hạn theo thông báo, bà K'Điền, vợ chồng ông **K3**, bà K'Điền không cung cấp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp hòa giải nhưng vắng mặt các bên đương sự nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nguyên đơn đồng ý nhận chịu toàn bộ chi phí tố tụng là 18.873.160đ, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận đơn khởi kiện của bà **K** về việc: “Tranh chấp quyền sử dụng đất” với bà K'Điền. Buộc bà K'Điền phải tháo dỡ hàng rào lưới B40 để trả lại diện tích đất 197.9m^2 , trong đó có 53.1m^2 thuộc lộ giới, thuộc một phần thửa 299, tờ bản đồ số 7 **xã P, huyện L** cho bà **K**.

Buộc bà **K** phải thanh toán giá trị tài sản trên đất cho bà K'Điền với số tiền là 8.665.120đ.

Về chi phí tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn nhận chịu toàn bộ số tiền chi phí do đặc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản mà nguyên đơn đã tạm nộp và đã được quyết toán xong. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và phù hợp với quy định của luật nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về án phí: Bị đơn bà K'Điền phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, bà K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với giá trị tài sản phải trả cho bà K'Điền. Tuy nhiên, bà K thuộc hộ nghèo, có giấy chứng nhận hộ nghèo, còn bà K'Điền, sinh năm 1962, là người cao tuổi theo Luật người cao tuổi nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho bà K và bà K'Điền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn – ông K3 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông K3, bà K'Điền vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên áp dụng khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

Nguyên đơn bà K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà K'Điền phải tháo dỡ hàng rào lưới B40 và giao trả cho bà K diện tích đất 197,9 m² thuộc một phần thửa 299, tờ bản đồ số 07 xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng và tài sản trên đất là 01 cái giếng đào tay. Đối với tài sản là cây trồng trên đất gồm: 04 cây vông, 02 cây ổi, 01 cây mít, 01 cây cà phê, 01 cây xoài, 10 gốc cây dâu tằm và khối lượng đất nền do bà K'Điền đổ thì bà K chỉ đồng ý thanh toán giá trị 04 cây vông, 01 cây ổi nhỏ, 01 cây mít, 01 cây cà phê, 01 cây xoài, 10 gốc cây dâu tằm và khối lượng đất nền cho bà K'Điền theo kết quả thẩm định giá. Riêng đối với 01 cây ổi lớn là cây tự mọc nên bà K không đồng ý thanh toán cho bà K'Điền.

Do vậy, căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” giữa nguyên đơn bà K với bị đơn bà K'Điền; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

[3] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải trả lại diện tích đất tranh chấp là 197,9 m² thuộc một phần thửa 299, tờ bản đồ số 07 xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo kết quả xác minh về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất thì: khoảng năm 1989, vợ chồng ông K4, bà K khai phá thửa đất 296, 299 tờ bản đồ số 7 xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng ông K4, bà K'Điền làm nhà ở và đào 01 cái giếng trên diện tích đất thuộc thửa 299 để lấy nước sinh hoạt. Sau đó, vợ chồng ông K4, bà K cho bà K'Điền thửa đất số 296, tờ bản đồ số 7 xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng để bà K'Điền dựng nhà ở.

Năm 1997, bà **K** đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L097077 cấp ngày 24/11/1997 đối với thửa đất số 299, tờ bản đồ số 7 xã **P**, huyện **L**.

Quá trình sử dụng đất, giữa gia đình bà **K** và bà K'Điền ổn định, không xảy ra tranh chấp gì, đến khoảng năm 2002 – 2003 khi ông **K3** lấy con gái bà K'Điền chuyển đến ở cùng gia đình bà K'Điền thì đến năm 2017 bà K'Điền phát sinh tranh chấp quyền sử dụng đất với gia đình bà **K**.

Diện tích đất tranh chấp theo kết quả đo đạc hiện trạng được xác định là 197,9m² thuộc một phần thửa 299, tờ bản đồ số 07 xã **P**, huyện **L**, tỉnh **Lâm Đồng**. Quá trình xem xét, thẩm định tại chỗ, các bên đương sự đều xác định cái giếng đào tay trên phần diện tích đất tranh chấp do gia đình bà **K** đào. Lời thừa nhận của các đương sự về nguồn gốc cái giếng đào tay cũng trùng khớp với thông tin mà Tòa án đã xác minh.

Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, bà K'Điền không cung cấp được chứng minh quá trình sử dụng diện tích đất 197,9m² thuộc một phần thửa 299, tờ bản đồ số 07 xã **P**, huyện **L**, tỉnh **Lâm Đồng** là ổn định lâu dài, không phát sinh tranh chấp với bà K'Điền.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, buộc bà K'Điền phải tháo dỡ hàng rào lưới B40, giao trả lại cho bà **K** diện tích đất lấn chiếm là 197,9m² thuộc một phần thửa 299 (trong đó có 53,1 m² đất lộ giới), tờ bản đồ số 07 xã **P**, huyện **L**, tỉnh **Lâm Đồng**.

Đối với diện tích đất 53,1m² nằm trong lộ giới thuộc một phần thửa đất số thửa đất số 6299, tờ bản đồ số 7 xã **P**, huyện **L**, tỉnh **Lâm Đồng**, bà **K** được tạm giao sử dụng nhưng không được gây cản trở an toàn giao thông, phù hợp với quy định của Luật đất đai, đồng thời phải chấp hành việc xử lý hoặc thu hồi khi có quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Đối với tài sản trên diện tích đất tranh chấp gồm: khối lượng đất đắp nền là 118,74m³, 04 cây vông, 01 cây ổi, 01 cây mít, 01 cây cà phê, 01 cây xoài, 10 gốc cây dâu tằm. Quá trình xem xét, thẩm định tại chỗ, các đương sự đều xác định khối lượng đất đắp nền, cây trồng trên là do bà K'Điền là người đắp đất nền, trồng cây. Do vậy, cần buộc nguyên đơn bà **K** thanh toán lại toàn bộ giá trị cây trồng và khối lượng đất đắp nền cho bà K'Điền là phù hợp. Theo kết quả thẩm định giá tài sản, xác định khối lượng đất đắp nền là 118,74m³ trị giá 7.480.620đ; tổng giá trị cây trồng trên đất là 1.184.500đ. Như vậy, cần buộc **K** thanh toán lại toàn bộ giá trị cây trồng và khối lượng đất đắp nền cho bà K'Điền tương đương với số tiền là 8.665.120đ là phù hợp.

Đối với quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về chi phí tố tụng*: Xét thấy, việc xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản, đo đạc và thẩm định giá tài sản là cần thiết cho việc giải quyết vụ án. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản; đo đạc và thẩm định giá tài sản. Chi phí chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản; đo đạc và thẩm định giá tài sản là 18.873.160đ,

số tiền này nguyên đơn đã nộp đủ và đã được quyết toán xong. Tuy nhiên, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định nguyên đơn tự nguyện nhận chịu toàn bộ chi phí tố tụng trên. Sự tự nguyện nhận chịu toàn bộ chi phí tố tụng của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận.

[5] *Về án phí*: Buộc bị đơn bà K'Điền phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bà K'Đ, sinh năm 1962 là người cao tuổi theo Luật người cao tuổi nên miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà K'Điền là phù hợp.

Nguyên đơn bà K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ thanh toán giá trị tài sản cho bà K'Điền theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bà K'Điền là hộ nghèo, có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà K theo quy định của pháp luật là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 203 của Luật đất đai năm 2013.

- Căn cứ các Điều 163, 164, 165, 166 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà K về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” với bị đơn bà K'Điền.

Buộc bà K'Điền phải tháo dỡ hàng rào lưới B40, trả lại 01 cái giếng đào và diện tích đất 197,9m² thuộc một phần thửa 299 (trong đó có 53,1 m² đất lộ giới), tờ bản đồ số 07 xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng (có trích lục họa đồ đo đạc thửa đất kèm theo).

Bà K'Điền được quyền quản lý, sử dụng diện tích 197,9m² đất thuộc một phần thửa 299, tờ bản đồ số 07 xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng, trên đất có 01 cái giếng đào và cây trồng trên đất.

Đối với diện tích đất 53,1m² nằm trong lộ giới thuộc một phần thửa đất số thửa đất số 6299, tờ bản đồ số 7 xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng bà K được tạm giao sử dụng nhưng không được gây cản trở an toàn giao thông, phù hợp với quy định của Luật đất đai, đồng thời phải chấp hành việc xử lý hoặc thu hồi khi có quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Buộc bà **K** phải thanh toán giá trị cây trồng và khối lượng đất đổ nền cho cho ông **K3** với số tiền là 8.665.120đ (*Tám triệu sáu trăm sáu mươi lăm ngàn một trăm hai mươi đồng*).

2. Về chi phí tố tụng: Ghi nhận sự tự nguyện của bà **K** nhận chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản; đo đạc và thẩm định giá tài sản là 18.873.160đ (*Mười tám triệu tám trăm bảy mươi ba ngàn một trăm sáu mươi đồng*), số tiền này bà **K** đã nộp đủ và đã được quyết toán xong.

3. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà K'Điền.

Bà **K** được miễn tiền tạm ứng án phí, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà **K**.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20/9/2024); đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, BP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hạnh